

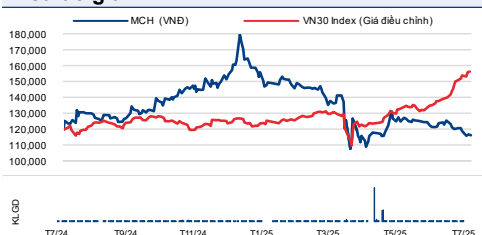
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ154,900
Tiềm năng tăng/giảm: 33.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/7/2025)	116,100
Mã Bloomberg	MCH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	107,757-179,292
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	115,880
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	122,073
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,669
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,051
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	526
Slg CP NN được mua (tr.đv)	356
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	16.2%
Tỷ lệ freefloat	30.1%
Cổ đông lớn	in Consumer Holdings (69.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	30,897	34,287	37,892
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,089	8,954	10,443
LN TT (tỷ đồng)	9,004	8,873	10,426
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,803	7,647	8,985
FCF (tỷ đồng)	8,713	5,012	8,904
EPS ĐC (đồng)	7,421	7,273	8,546
DPS (đồng)	26,800	6,000	7,000
BVPS (đồng)	14,766	14,557	16,103
T.trưởng EBITDA (%)	11.7	10.7	16.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	8.91	(32.5)	17.5
Tăng trưởng DPS (%)	168	(77.6)	16.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.2	26.1	27.6
Tỷ suất LN TT (%)	29.1	25.9	27.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	25.3	22.3	23.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	249	82.5	81.9
Nợ thuần/VCSH (%)	49.0	27.3	30.3
ROAE (%)	42.8	58.8	55.7
ROACE (%)	37.5	52.7	51.2
EV/doanh thu (lần)	2.89	3.68	3.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.0	14.1	12.2
P/E ĐC (lần)	15.6	16.0	13.6
P/B (lần)	7.86	7.98	7.21
Lợi suất cổ tức (%)	23.1	5.17	6.03

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan là công ty con của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings. Chuyên sản xuất và phân phối nhiều loại gia vị, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cá nhân và nhà cửa.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q2/2025: thấp hơn kỳ vọng do kênh bán hàng truyền thống bị gián đoạn

- Lợi nhuận thuần Q2/2025 giảm mạnh 24,5% so với cùng kỳ đạt 1.326 tỷ đồng, thấp hơn 17% so với dự báo của HSC ở mức 1.600 tỷ đồng; doanh thu thuần đạt 6.276 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ. Doanh thu các nhóm sản phẩm lớn giảm mạnh do quy định thuế mới đối với hộ kinh doanh đã làm gián đoạn kênh bán hàng truyền thống.
- Mặc dù doanh thu giảm mạnh, tỷ suất lợi nhuận hoạt động vẫn ổn định, do mức sụt giảm của tỷ suất lợi nhuận gộp được bù đắp bởi mức giảm của tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu.
- Chúng tôi đang xem xét lại dự báo. Cổ phiếu MCH đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14,3 lần, cao hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2019 ở mức 12,9 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

MCH công bố KQKD Q2/2025 kém tích cực và thấp hơn kỳ vọng do áp lực từ việc tái cấu trúc kênh bán lẻ khi quy định thuế mới đối với hộ kinh doanh làm gián đoạn kênh bán hàng truyền thống, vốn đóng góp khoảng 83% doanh thu. Lợi nhuận thuần Q2/2025 giảm mạnh 24,5% so với cùng kỳ đạt 1.326 tỷ đồng, thấp hơn 17% so với dự báo của HSC ở mức 1.600 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 6.276 tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần giảm 14,4% so với cùng kỳ, đạt 2.912 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 13.765 tỷ đồng, giảm 1,5% so với cùng kỳ. Với kết quả trên, MCH đã hoàn thành lần lượt 38% và 40% dự báo lợi nhuận và doanh thu cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Doanh thu: Các nhóm sản phẩm chính giảm mạnh

Sự gián đoạn trong kênh bán hàng truyền thống, vốn đóng góp 83% doanh thu của MCH, dẫn đến việc giảm tồn kho trên diện rộng ở các đơn vị bán lẻ lớn và nhỏ, với số ngày tồn kho giảm lần lượt là khoảng 8 và 3 ngày. Doanh thu của tất cả các nhóm sản phẩm lớn đều giảm mạnh. Trong khi đó, một số nhóm sản phẩm nhỏ hơn vẫn duy trì đà tăng trưởng như cà phê, sản phẩm chăm sóc gia đình & cá nhân.

- Doanh thu của ba nhóm sản phẩm lớn nhất: gia vị, thực phẩm tiện lợi và nước uống đóng chai giảm mạnh lần lượt 21%, 12% và 26% so với cùng kỳ.
- Doanh thu cà phê và các sản phẩm chăm sóc gia đình & cá nhân tăng lần lượt 1,8% và 1,3%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025 & 6 tháng đầu năm 2025, MCH

Lợi nhuận thuần giảm 25% so với cùng kỳ trong Q2 và giảm 14% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	7,388	6,276	-15.1%	13,968	13,764	-1.5%
Lợi nhuận gộp	3,416	2,769	-18.9%	6,492	6,269	-3.4%
Chi phí BH&QL	(1,777)	(1,387)	-22.0%	(3,340)	(3,165)	-5.2%
Lợi nhuận HĐ	1,639	1,382	-15.7%	3,152	3,104	-1.5%
Lợi nhuận/(lỗ) tài chính	377	138	-63.4%	739	242	-67.2%
EBITDA	1,843	1,605	-12.9%	3,556	3,524	-0.9%
LNST	1,789	1,347	-24.7%	3,458	2,961	-14.4%
Lợi nhuận thuần	1,757	1,326	-24.5%	3,402	2,912	-14.4%

Nguồn: MCH

Chi tiết về doanh thu theo nhóm sản phẩm được thể hiện trong Bảng 2.

Tỷ suất lợi nhuận hoạt động ổn định bất chấp doanh thu sụt giảm

Tỷ suất lợi nhuận hoạt động được ghi nhận ở mức 22%, giảm nhẹ so với mức 22,2% trong Q2/2024. Dù tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp xuống 44,1% từ 46,2%, điều này gần như được bù đắp bởi mức sụt giảm của tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu xuống 22,1% (so với 24,1% trong Q2/2024).

Lợi nhuận HĐ tài chính thuần giảm mạnh 63% so với cùng kỳ xuống 138 tỷ đồng, do công ty chi trả khoản cổ tức bằng tiền mặt lớn 23 nghìn tỷ đồng trong năm 2024. Do đó, lợi nhuận thuần giảm mạnh 25% so với cùng kỳ và tỷ suất lợi nhuận thuần thu hẹp xuống 21,1% (so với mức 23,8% trong Q2/2024).

MCH tập trung mạnh vào kênh phân phối trực tiếp

Theo MCH, để ứng phó với tình hình hiện tại, Công ty đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang mô hình phân phối linh hoạt hơn, tập trung vào kênh phân phối trực tiếp, giảm phụ thuộc vào các nhà bán hàng truyền thống lớn và nâng cao năng lực tiếp cận thị trường. Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ phục hồi đà tăng trưởng trong các quý tới.

HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận

Cho năm 2025, HSC dự báo doanh thu thuần đạt 34.287 tỷ đồng, tăng trưởng 11% và lợi nhuận thuần đạt 7.647 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, MCH

Doanh thu các mảng kinh doanh chính giảm đáng kể

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% so với cùng kỳ	6T24	6T25	% so với cùng kỳ
Gia vị	2,509	1,985	-20.9%	4,818	4,662	-3.2%
Thực phẩm tiện lợi	2,183	1,930	-11.6%	4,315	4,147	-3.9%
Đồ uống	1,477	1,094	-25.9%	2,592	2,306	-11.0%
Cà phê hòa tan	391	398	1.8%	726	866	19.3%
HPC	438	472	7.7%	847	933	10.1%
Khác	390	397	2.0%	670	851	27.1%
Doanh thu thuần	7,388	6,276	-15.0%	13,968	13,765	-1.5%

Nguồn: HSC ước tính

Bảng 3: Các chỉ số quan trọng, MCH

Tỷ suất lợi nhuận HĐ duy trì ổn định

%	Q2/24	Q2/25	Chênh lệch (điểm cơ bản)	6T24	6T25	Chênh lệch (điểm cơ bản)
Tỷ suất lợi nhuận gộp	46.2%	44.1%	(21.2)	46.5%	45.5%	(9.4)
Chi phí BH&QL/Doanh thu	24.1%	22.1%	(19.6)	23.9%	23.0%	(9.2)
Tỷ suất lợi nhuận HĐ	22.2%	22.0%	(1.7)	22.6%	22.6%	(0.2)
Tỷ suất EBITDA	24.9%	25.6%	6.3	25.5%	25.6%	1.5
Tỷ suất lợi nhuận thuần	23.8%	21.1%	(26.5)	24.4%	21.2%	(32.0)

Nguồn: MCH, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	28,241	30,897	34,287	37,892	42,014
Lợi nhuận gộp	12,974	14,405	15,852	18,000	20,072
Chi phí BH&QL	(6,254)	(6,880)	(7,603)	(8,321)	(9,049)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,721	7,525	8,250	9,679	11,022
Lãi vay thuần	1,315	1,423	552	668	741
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	58.7	65.1	71.6	78.7	86.6
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.09	(8.28)	0	0	0
LNTT	8,099	9,004	8,873	10,426	11,850
Chi phí thuế TNDN	(905)	(1,084)	(1,111)	(1,306)	(1,484)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(109)	(117)	(115)	(135)	(153)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,085	7,803	7,647	8,985	10,213
Lợi nhuận thuần ĐC	7,085	7,803	7,647	8,985	10,213
EBITDA ĐC	7,239	8,089	8,954	10,443	11,851
EPS (đồng)	9,888	10,769	7,273	8,546	9,713
EPS ĐC (đồng)	6,738	7,421	7,273	8,546	9,713
DPS (đồng)	10,000	26,800	6,000	7,000	8,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,051	1,051	1,051	1,051	1,051

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,790	5,677	4,547	3,941	3,995
Đầu tư ngắn hạn	4,908	365	3,000	5,000	7,500
Phải thu khách hàng	10,989	1,705	2,755	3,413	3,595
Hàng tồn kho	2,178	2,582	2,865	3,167	3,511
Các tài sản ngắn hạn khác	56.1	64.3	71.4	78.9	87.5
Tổng tài sản ngắn hạn	23,922	10,394	13,239	15,600	18,689
TSCĐ hữu hình	4,789	4,535	4,952	5,411	5,915
TSCĐ vô hình	763	714	628	541	452
Bất động sản đầu tư	5.75	4.17	4.17	4.17	4.17
Đầu tư dài hạn	275	332	332	332	332
Đầu tư vào Cty LD,LK	295	347	347	347	347
Tài sản dài hạn khác	10,503	11,574	11,521	11,467	11,414
Tổng tài sản dài hạn	16,631	17,506	17,784	18,102	18,464
Tổng cộng tài sản	40,553	27,900	31,023	33,702	37,153
Nợ ngắn hạn	8,469	9,067	6,857	7,199	7,983
Phải trả người bán	2,024	2,315	2,587	2,792	3,080
Nợ ngắn hạn khác	2,577	2,511	2,783	3,073	3,404
Tổng nợ ngắn hạn	13,729	14,600	13,014	13,933	15,429
Nợ dài hạn	227	1,764	1,764	1,764	1,764
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	160	150	150	150	150
Nợ dài hạn khác	49.7	45.9	34.4	34.4	34.4
Tổng nợ dài hạn	437	1,960	1,949	1,949	1,949
Tổng nợ phải trả	14,177	16,572	14,974	15,893	17,390
Vốn chủ sở hữu	25,780	10,700	15,306	16,931	18,732
Lợi ích cổ đông thiểu số	596	628	743	878	1,031
Tổng vốn chủ sở hữu	26,376	11,328	16,049	17,809	19,763
Tổng nợ phải trả và VCSH	40,553	27,900	31,023	33,702	37,153
BVPS (đ)	35,978	14,766	14,557	16,103	17,816
Nợ thuần/(tiền mặt)	2,906	5,154	4,075	5,023	5,752

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	6,721	7,525	8,250	9,679	11,022
Khấu hao	(518)	(565)	(704)	(763)	(829)
Lãi vay thuần	1,315	1,423	552	668	741
Thuế TNDN đã nộp	(731)	(1,108)	(1,111)	(1,306)	(1,484)
Thay đổi vốn lưu động	(2.21)	2,381	(129)	(222)	(200)
Khác	(1,565)	(1,558)	(2,218)	456	511
LCT thuần từ HKKD	6,256	9,227	6,047	10,038	11,419
Đầu tư TS dài hạn	(573)	(514)	(1,035)	(1,135)	(1,244)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	3.89	8.12	8.12	8.12	8.12
Khác	(6,519)	11,980	(901)	(2,500)	(2,500)
LCT thuần từ HĐĐT	(7,088)	11,474	(1,928)	(3,627)	(3,736)
Cổ tức trả cho CSH	(262)	(23,070)	(6,309)	(7,360)	(8,412)
Thu từ phát hành CP	0	119	3,268	0	0
Tăng/giảm nợ	1,295	2,135	(2,209)	342	783
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,034	(20,816)	(5,250)	(7,018)	(7,628)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,588	5,790	5,677	4,547	3,941
LCT thuần trong kỳ	202	(115)	(1,130)	(606)	54.5
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.06	2.63	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,790	5,677	4,547	3,941	3,995
Dòng tiền tự do	5,682	8,713	5,012	8,904	10,175

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.9	46.6	46.2	47.5	47.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	25.6	26.2	26.1	27.6	28.2
Tỷ suất LNT (%)	25.1	25.3	22.3	23.7	24.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.2	12.0	12.5	12.5	12.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	4.68	9.41	11.0	10.5	10.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	16.2	11.7	10.7	16.6	13.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	30.0	10.1	(2.01)	17.5	13.7
Tăng trưởng EPS (%)	30.0	8.91	(32.5)	17.5	13.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	30.0	10.1	(2.01)	17.5	13.7
Tăng trưởng DPS (%)	nm	168	(77.6)	16.7	14.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	101	249	82.5	81.9	82.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.7	42.8	58.8	55.7	57.3
ROACE (%)	26.7	37.5	52.7	51.2	53.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.76	0.90	1.16	1.17	1.19
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.93	1.23	0.73	1.04	1.04
Số ngày tồn kho	52.1	57.1	56.7	58.1	58.4
Số ngày phải thu	263	37.7	54.5	62.6	59.8
Số ngày phải trả	48.4	51.2	51.2	51.2	51.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	11.5	49.0	27.3	30.3	31.3
Nợ/tài sản (%)	21.6	39.1	28.1	26.9	26.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.21	1.35	0.97	0.87	0.83
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.74	0.71	1.02	1.12	1.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.05	2.89	3.68	3.35	3.04
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.9	11.0	14.1	12.2	10.8
P/E (lần)	11.7	10.8	16.0	13.6	12.0
P/E ĐC (lần)	17.2	15.6	16.0	13.6	12.0
P/B (lần)	3.23	7.86	7.98	7.21	6.52
Lợi suất cổ tức (%)	8.61	23.1	5.17	6.03	6.89

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn